CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Chiếu xạ An Phú

Ngày 28/06/2024	7,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.4%	**4.3%**	**-**

DT thuần
Q2/24
33.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.10| 10.2%
YoY: ▲ 5.90| 21.4%

LN thuần
Q2/24
-8.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.63| -46.5%
YoY: ▲ 3.70| 30.8%

LN sau thuế
Q2/24
-8.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.16| -61.3%
YoY: ▲ 3.69| 30.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
-9.5%
YoY: +/-▼ 10.3%

ROE (TTM)
Q2/24
-3.7%
YoY: +/-▲ 0.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	145
Số lượng CPLH (CP)	19,905,025
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,530
Sở hữu nước ngoài	15.0%
Beta	1.39
EPS	-1,093
P/E	-6.7

DT thuần
6T 2024
63.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.6| 35.3%

LN thuần
6T 2024
-14.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.5| 47.3%

LN sau thuế
6T 2024
-13.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.8| 50.7%

Cơ cấu sở hữu

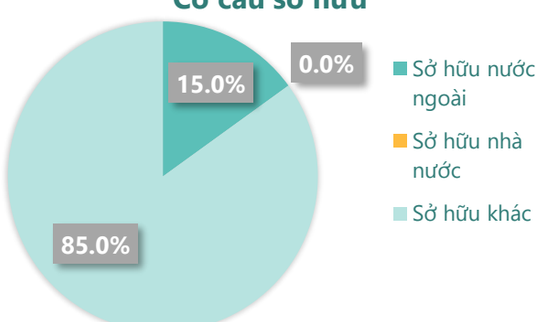

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

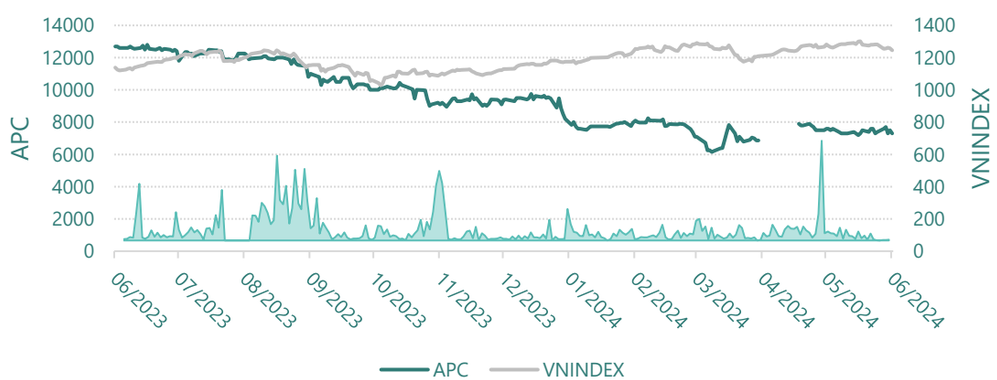

Cơ cấu cổ đông

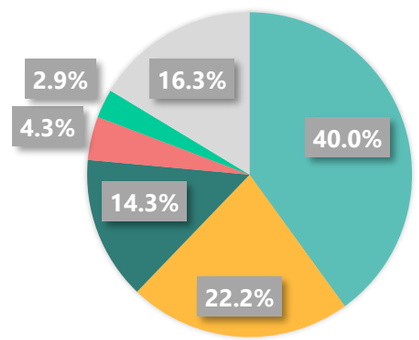

- Võ Thùy Dương (Tổng giám đốc)
- Công ty TNHH Thái Sơn
- Torus Capital Investments Pte. Ltd.
- Võ Thái Sơn (Thành viên HĐQT)
- Đào Ngọc Quốc
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

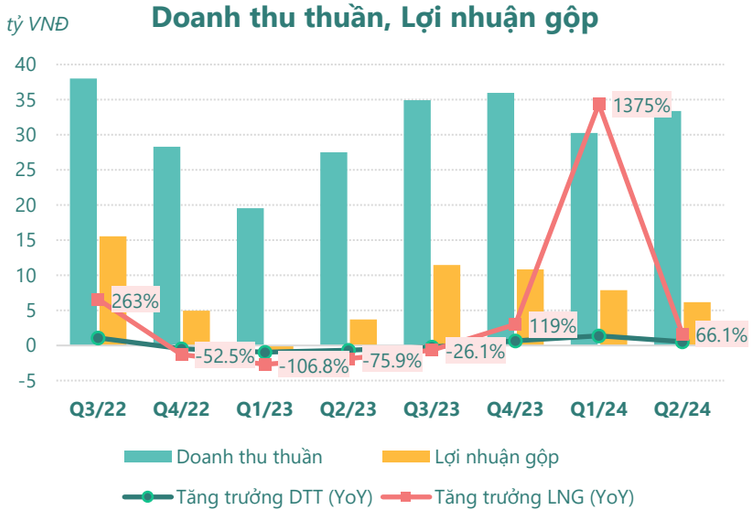

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

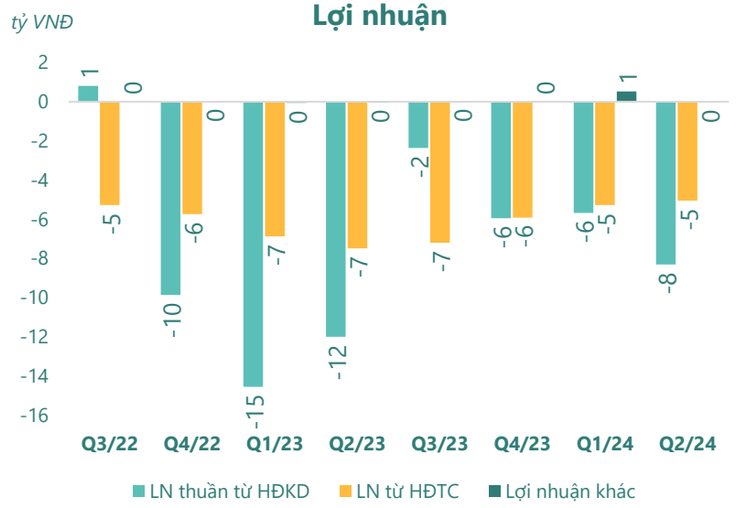

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

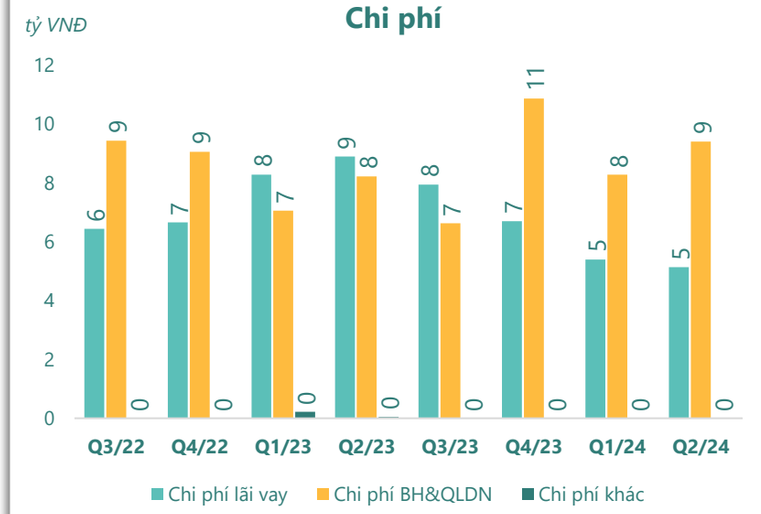

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

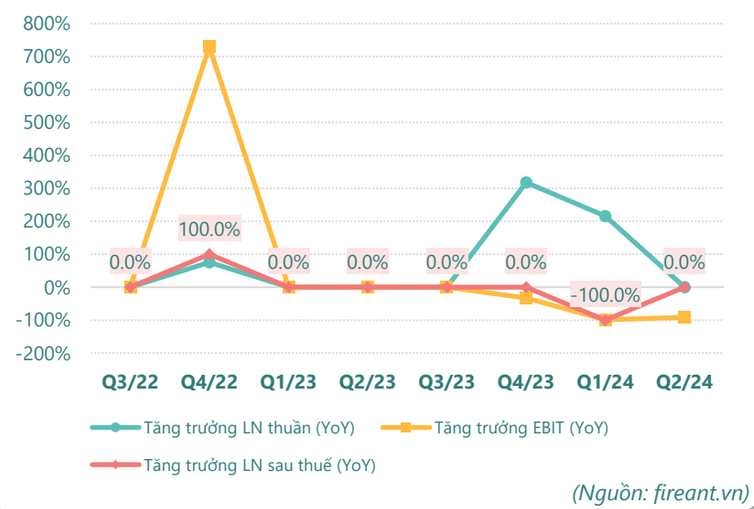

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

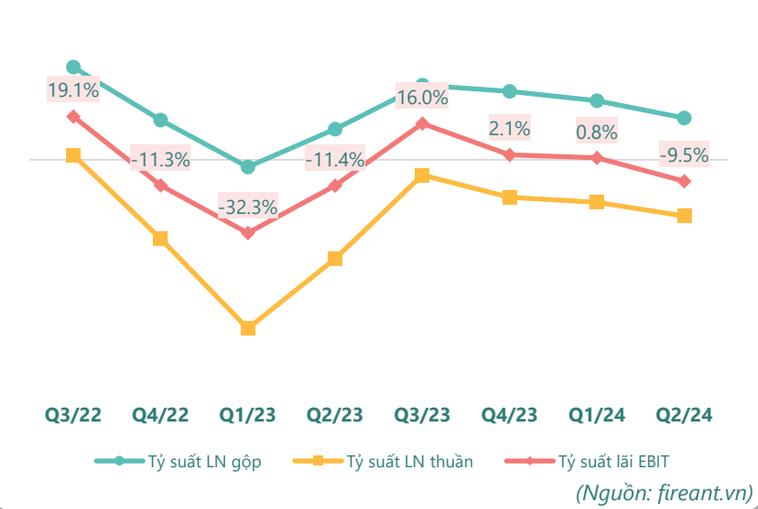

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

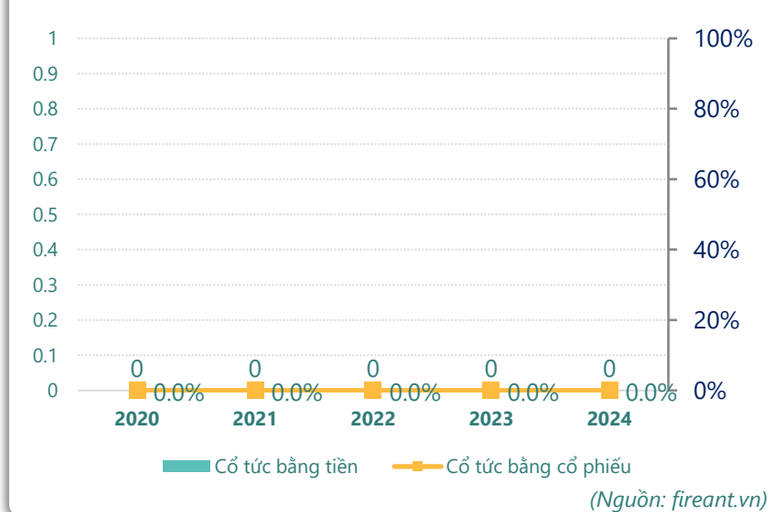

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

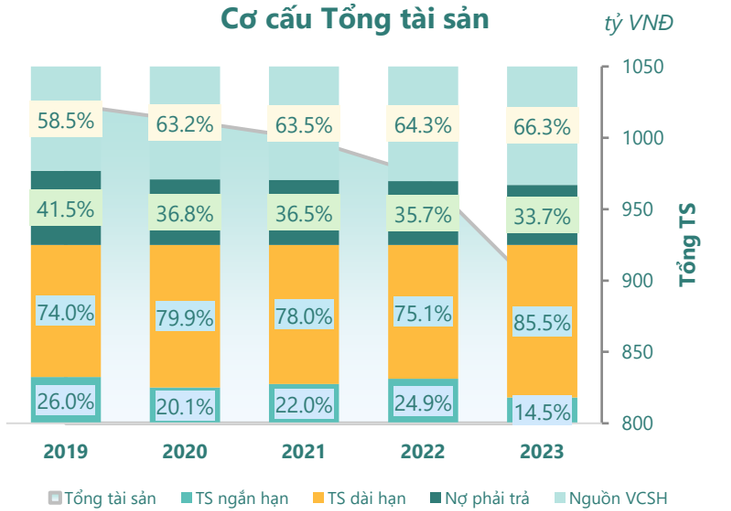

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

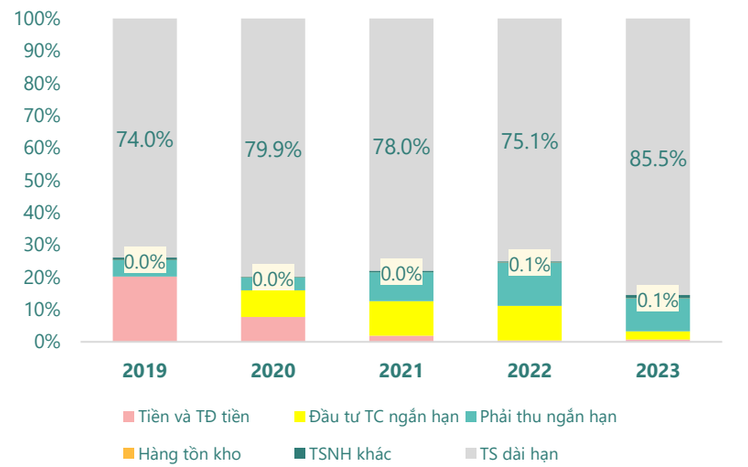

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

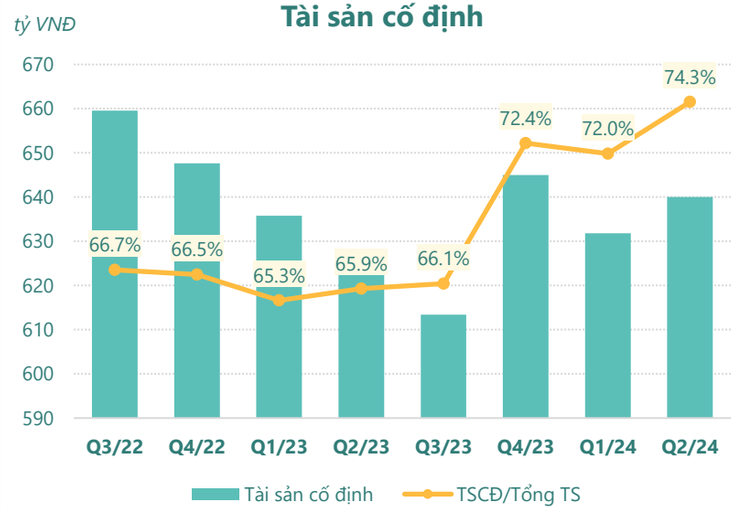

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

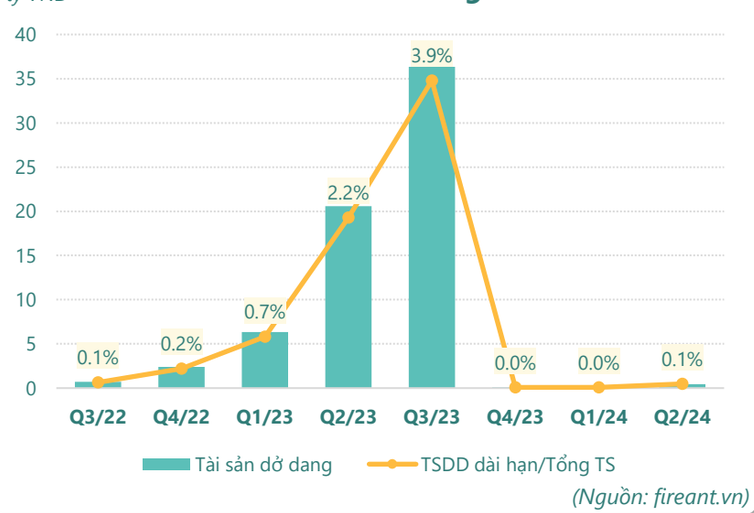

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

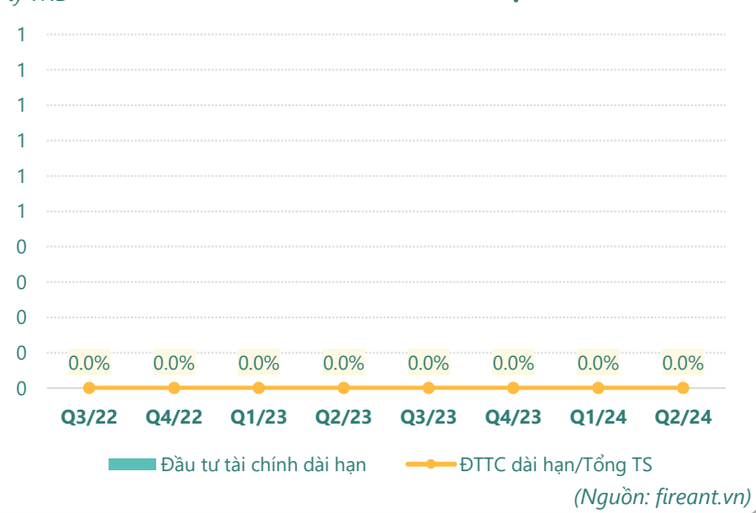

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

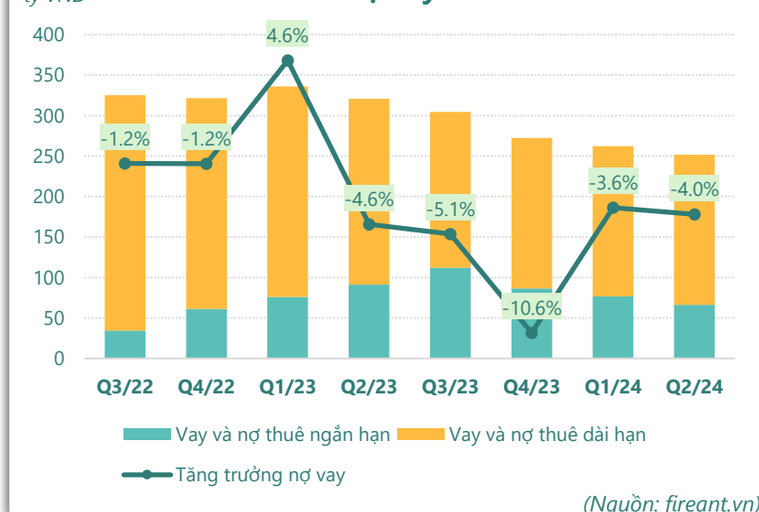

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

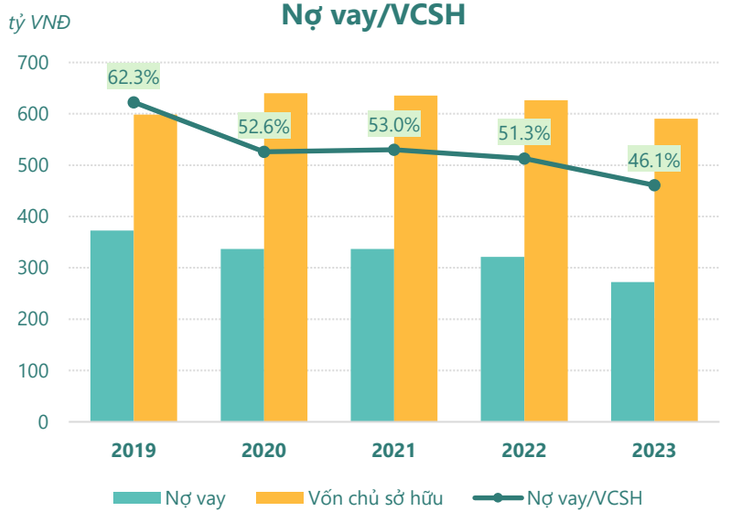

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

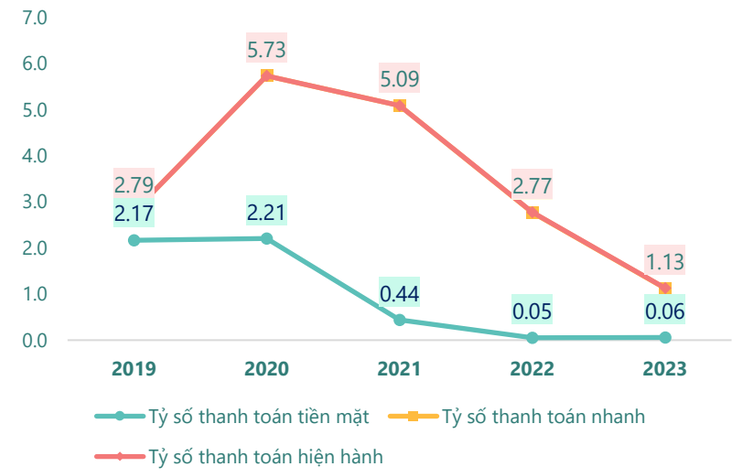

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

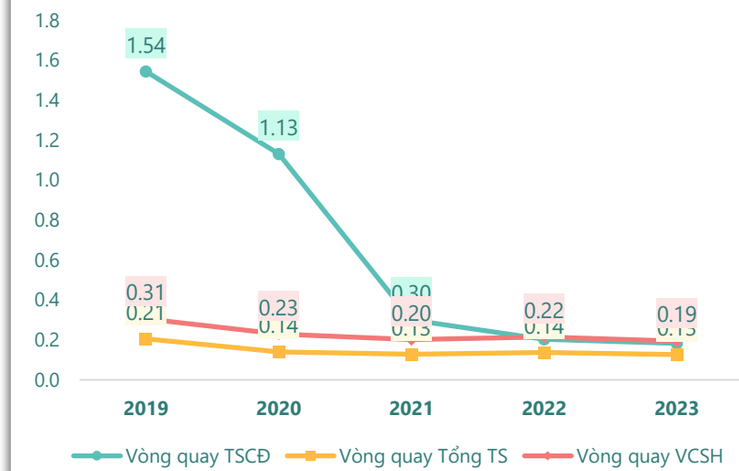

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

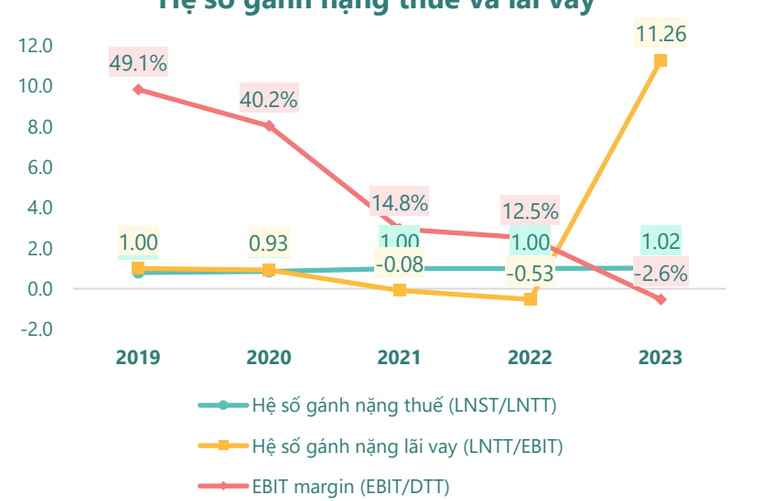

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

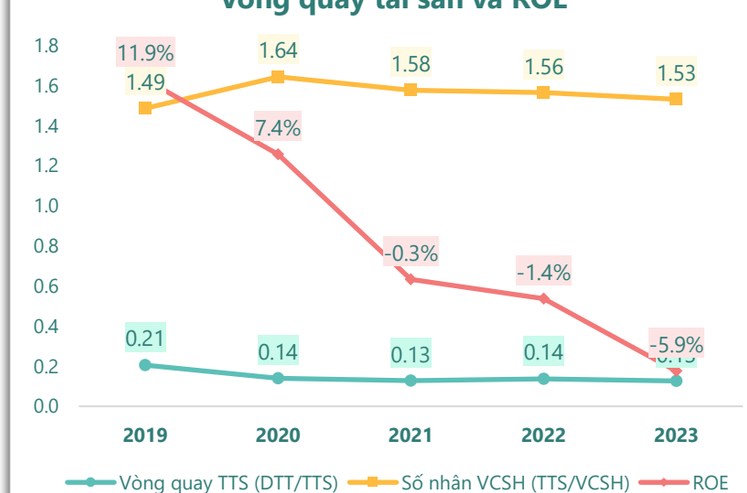

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

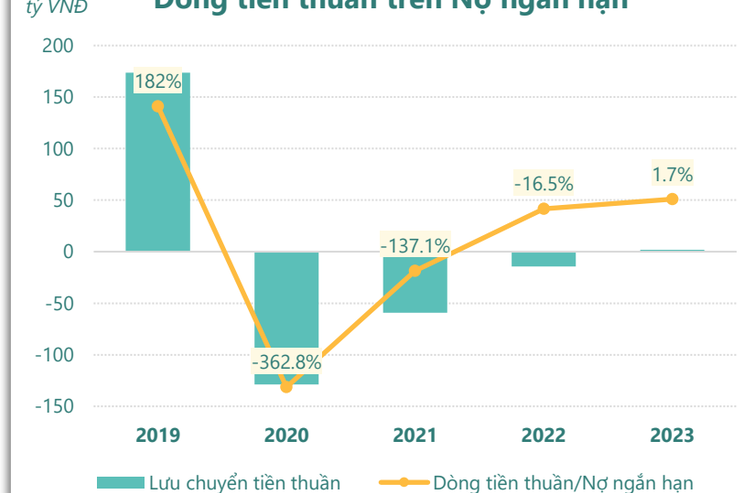

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**33.4**	**27.5**	**21.4%**	**63.6**	**47.0**	**35.3%**
Giá vốn hàng bán	27.2	23.8	14.4%	49.6	43.9	12.9%
Lợi nhuận gộp	6.16	3.71	66.0%	14.0	3.09	354%
Doanh thu HĐTC	0.28	1.43	-80.2%	0.57	2.85	-79.9%
Chi phí TC	5.33	8.91	-40.2%	10.9	17.2	-36.7%
Chi phí lãi vay	5.14	8.91	-42.3%	10.5	17.2	-38.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.44	0.83	73.7%	2.53	1.47	72.4%
Chi phí QLDN	**7.97**	**7.40**	**7.8%**	**15.2**	**13.8**	**9.7%**
LN thuần từ HĐKD	-8.30	-12.0	30.8%	-14.0	-26.5	47.3%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.04**	**91.3%**	**0.51**	**-0.10**	**631%**
LN trước thuế	-8.31	-12.0	30.8%	-13.5	-26.6	49.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-8.31**	**-12.0**	**30.8%**	**-13.5**	**-27.3**	**50.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-8.31**	**-12.0**	**30.8%**	**-13.5**	**-27.3**	**50.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-31.5	-3.30	11.4	10.7	10.8	10.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	22.1	23.6	-3.32	21.5	0	-0.82
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	14.7	-15.3	-16.3	-32.2	-9.84	-10.5
Tiền đầu kỳ	4.53	9.80	14.8	6.52	6.48	7.43
Lưu chuyển tiền thuần	**5.27**	**5.01**	**-8.29**	**-0.04**	**0.95**	**-1.30**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	9.80	14.8	6.52	6.48	7.43	6.13

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**861**	**890**	**-3.3%**
Tài sản ngắn hạn	111	129	-14.2%
Tiền và tương đương tiền	6.13	6.48	-5.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.4	22.7	3.3%
Phải thu ngắn hạn	70.0	90.5	-22.7%
Hàng tồn kho	3.60	0.67	439%
Tài sản ngắn hạn khác	7.48	8.63	-13.2%
Tài sản dài hạn	**751**	**762**	**-1.4%**
Phải thu dài hạn	10.3	10.3	0.0%
Tài sản cố định	640	645	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.46	0.08	486%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**100.0**	**106**	**-5.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	284	300	-5.2%
Nợ ngắn hạn	**98.4**	**114**	**-13.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.1	86.4	-23.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.0	7.93	51.0%
Nợ dài hạn	186	186	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	186	186	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**577**	**591**	**-2.3%**
Vốn chủ sở hữu	**577**	**591**	**-2.3%**
Vốn điều lệ	201	201	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)